

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 07 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điều chỉnh Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2024 như sau:

**1. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 như sau:**

**“2. Thu, chi ngân sách địa phương**

2.1. Tổng thu ngân sách địa phương	:	20.667.713 triệu đồng.
a) Thu cân đối ngân sách	:	16.658.719 triệu đồng.
- Thu từ kinh tế trên địa bàn	:	6.523.000 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương	:	8.816.122 triệu đồng.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	:	1.222.330 triệu đồng.
Gồm: + Nguồn ngân sách trung ương bổ sung	:	500.734 triệu đồng.
+ Nguồn ngân sách địa phương	:	721.956 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương	:	97.267 triệu đồng.
b) Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương	:	3.399.983 triệu đồng.
c) Thu Chương trình mục tiêu quốc gia	:	609.011 triệu đồng.
2.2. Tổng chi ngân sách địa phương	:	20.667.713 triệu đồng.
a) Chi cân đối ngân sách địa phương	:	16.658.719 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển	:	3.988.941 triệu đồng.
- Chi thường xuyên	:	11.695.986 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	:	625.088 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi vay	:	11.500 triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	:	1.170 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách	:	336.034 triệu đồng.
b) Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	3.399.983 triệu đồng.
c) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	:	609.011 triệu đồng.”

**2. Điều chỉnh khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 như sau:**

**“1. Thu ngân sách địa phương theo các cấp ngân sách như sau:**

a) Cấp tỉnh	:	11.595.894 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	4.564.930 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	2.487.886 triệu đồng.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	:	437.921 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương	:	97.267 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	:	3.398.879 triệu đồng.
- Thu Chương trình mục tiêu quốc gia	:	609.011 triệu đồng.
b) Cấp huyện	:	7.695.244 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	1.815.070 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	5.094.661 triệu đồng.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	:	784.409 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	:	1.104 triệu đồng.
c) Cấp xã	:	1.376.575 triệu đồng.
- Thu cân đối ngân sách từ kinh tế trên địa bàn	:	143.000 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	:	1.233.575 triệu đồng.

**2. Chi ngân sách địa phương theo các cấp ngân sách như sau:**

a) Cấp tỉnh	:	11.595.894 triệu đồng.
- Chi cân đối ngân sách	:	7.588.004 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	:	3.206.201 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	:	3.759.853 triệu đồng.
+ Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	:	454.283 triệu đồng.
+ Chi trả nợ lãi vay	:	11.500 triệu đồng.
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	:	1.170 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	:	154.997 triệu đồng.
- Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	3.398.879 triệu đồng.
- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	:	609.011 triệu đồng.
b) Cấp huyện	:	7.695.244 triệu đồng.

- Chi cân đối ngân sách	:	7.694.140 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	:	782.740 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	:	6.586.808 triệu đồng.
+ Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	:	170.805 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	:	153.787 triệu đồng.
- Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	:	1.104 triệu đồng.
c) Cấp xã	:	1.376.575 triệu đồng.
- Chi thường xuyên	:	1.349.325 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách	:	27.250 triệu đồng.

**3. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương theo các biểu số 01, 02, 03 và 04 đính kèm.**

**4. Phân bổ ngân sách địa phương theo các biểu số 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 và 13 đính kèm.”**

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2024.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nưng**

- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.